TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2023/HSST
Ngày 21 - 9 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Cà Văn Pống – Cán bô hưu trí.

2. Bà: Hoàng Thị Tỵ – Cán bộ hưu trí.

Thư ký phiên tòa: Ông Tòng Văn Cách - Thư ký Toà án huyện Q, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà:

Đại diện VIện kiểm sát huyện Q, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà:

Ông Hoàng Văn Máy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2023/TLST - HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo.

1/ Họ và tên: **Lò Văn T**, tên gọi khác: Không; sinh năm 1993; Nơi sinh xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên: Nghề nghiệp: Lao động tự do: Trình độ học vấn: Lớp 01/12; Dân tộc: Kháng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Đảng phái đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn Y (đã chết) và bà Lò Thị S: Có vợ là Cà Thị K và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2018. Đều có nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên:

Tiền án: Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2023 đến ngày 07/8/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* Luật sư: Ông Đàm Mạnh Hùng - Đoàn luật sư tỉnh Sơn La - Công tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La - Bào chữa, bảo vệ quyền lợi cho bị cáo Lò Văn T, có mặt.

* Nguyên đơn dân sự: Ban Quản lý rừng đặc dụng - phòng hộ T, tỉnh Sơn La - Người đại diện: Ông Lò Văn C - Phó Giám đốc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 02/2023 Lò Văn T, sinh năm 1993, cư trú tại bản T, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên nói chuyện với vợ là Cà Thị K, sinh năm 1994, trú cùng bản đến khu vực rừng thuộc địa phận bản K, xã P, huyện Q để chặt phá rừng làn nương (T không nói cho vợ biết đó là rừng phồng hộ, T chỉ nói đó là đất của ông nội T để lại trước đây đã canh tác) và chuẩn bị 02 con dao quắm dài khoảng 60cm, T và K đến khu rừng chặt phá trong vòng 10 ngày, trong đó có 08 ngày T, K dùng dao quắm chặt hạ những cây bé và cây cỏ, còn 02 ngày T đến mượn cưa máy của Lò Văn D, sinh năm 1995 trú cùng bản để cưa những cây có đường kính to.

Đến ngày 02/4/2023 T chuẩn bị 01 bật lửa gas màu vàng và K đến khu vực chặt phá trước đó gom cây khô vào với nhau, T dùng bật đốt những cành cây khô, chiếc bật lửa hết gas nên T đã vứt bỏ tại hiện trường. Đến ngày 13/4/2023 Cà Thị K đến dọn dẹp thì gặp tổ công tác của Hạt kiểm lâm huyện Q đến kiểm tra tại vị trí rừng T, K chặt phá, K lo sợ nên bỏ về nhà và kể lại cho T nghe, lúc này T mới nói cho K biết khu vực rừng chặt phá là rừng phòng hộ, rừng cấm chặt phá. Đến ngày 22/4/2023, Hạt kiểm lâm huyện Q thông báo cho T, K biết sẽ đến khu rừng T, K chặt phá để đo diện tích, do lo sợ bị xử lý nên T có nhờ Lò Văn Đ, sinh năm 1989 và Lò Văn X, sinh năm 1981đều trú cùng bản đứng ra nhận hộ phần diện tích rừng bị chặt phá, T trực tiếp căng dây chia diện tích và chỉ cho Đ, X biết khi có đoàn kiểm tra hỏi còn biết trả lời. Qua đấu tranh với các đối tượng thì đến ngày 04/5/2023 Lò Văn T đã khai ra toàn bộ hành vi vi phạm của mình.

Ngày 05/5/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, kiểm đếm số cây bị T, K chặt phá. Kết quả:

Vị trí rừng phòng hộ do Lò Văn T chặt phá: Phía Bắc tiếp giáp Lô 2, khoảnh 11, tiểu khu 23; Phía Nam tiếp giáp khu vực phát phá rừng của Quàng Văn D; Phía Đông giáp Lô 5, khoảnh 11, tiểu khu 23 rừng phòng hộ; Phía Tây giáp địa giới hành chính xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Địa điểm nơi Lò Văn T chặt phá rừng phòng hộ tại Tiểu khu 23; Khoảnh 11, Lô 3, trạng thái TXDK, rừng lá rộng thường xuyên nghèo kiệt núi đá (theo bản đồ giao đất lâm nghiệp cho BQL rừng đặc dụng – phòng hộ Thuận Châu theo quyết định số 683/QĐ – UBND ngày 21/4/2022 của UBND tỉnh Sơn La), có tọa độ X: 454463; Y: 2407115 thuộc bản K, xã P, huyện Q, tỉnh Sơn La, sử dụng máy định vị GPS của Hạt kiểm lâm huyện Q để đo diện tích rừng bị chặt phá, xác định thiệt hại 4.944m^2 , 258 cây gỗ thông thường các loại có khối lượng là 14.339m^3 (*Số gỗ bị thiệt hại, Cơ quan chức năng đã bàn giao lại cho Ban quản lý rừng đặc dụng – phòng hộ T quản lý).*

Vật chứng bị thu giữ: 02con dao quắm (01 con dài là 86,8cm, 01 con dài 85,3cm).

Tại bản cáo trạng số: 33/CT – VKS - QN ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội: Huỷ hoại rừng theo điểm c khoản 1 điều 243 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lò Văn T phạm tội: Hủy hoại rừng; Đề nghị Hội đồng xét xử; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo.

Không bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo.

Giao bị cáo Lò Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 92; Điều 94 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm bồi thường cho Nhà nước: Đề nghị Căn cứ khoản 1 Điều 48 của bộ luật hình sự và các Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lò Văn T phải bồi thường cho Nhà nước giá trị lâm sản bị thiệt hại là 14.339.000 đồng.

Vật chứng: Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tiêu hủy 02 con dao quắm (01 con dài 86,5cm, 01 con dài 85,3cm).

Chấp nhận việc giao 14.339m^3 gỗ cho Ban quản lý rừng đặc dụng – phòng hộ T quản lý.

Bị cáo Lò Văn T không phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lò Văn T tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tuổi đời còn trẻ, suy nghĩ giản đơn, trình độ văn hóa chỉ học lớp 01/12, nên sự hiểu biết pháp luật rất kém và hạn chế; bị cáo là dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa (thuộc vùng 3) vùng đặc biệt khó khăn, điều kiện, hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng theo quy định tại các điểm b, i, h, m và s khoản 1, 2 Điều 51

của Bộ luật hình sự. Do bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sư như nêu trên. Toà án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự (*12 tù*) cho hưởng án treo cũng đủ để răn đe phòng ngừa chung đối với bị cáo. Tạo cơ hội cho bị cáo tự cải tạo tại địa phương có ích cho gia đình và làm công dân tốt cho xã hội. Miễn phạt tiền đối với bị cáo. Một lần nữa, Luật sư bào chữa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Lò Văn T đề nghị HĐXX xem xét đầy đủ khách quan, toàn diện các tình tiết, về nguyên nhân, điều kiện, mức độ về hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về nhân thân của bị cáo, cho bị cáo Lò Văn T được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Lò Văn T nhất trí với quan điểm bào chữa của Luật sư cho bị cáo tại phiên tòa và không có ý kiến gì bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn T khai nhận, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La đã truy tố đối với bị cáo về tội: Hủy hoại rừng sản theo điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự được Kiểm sát viên công bố tại phiên tòa phù hợp với bản cáo trạng bị cáo đã nhận do Kiểm sát viên đã tống đạt cho bị cáo. Do hành vi của bị cáo đã rõ, nên bị cáo Lò Văn T, Luật sư bào chữa cho bị cáo Lò Văn T không có ý kiến gì tranh luận với Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ, đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, tỉnh Sơn La, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, những người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Lò Văn T tại phiên toà hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Khoảng đầu tháng 02 năm 2023 Lò Văn T đã có hành vi chặt phá rừng phòng hộ tại khu vực bản K, xã P, huyện Q, tỉnh Sơn La thuộc lô 3, khoảnh 11, tiểu khu 23 theo quyết định số 683/QĐ – UBND ngày 22/42022 của UBND tỉnh Sơn La giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng – phòng hộ T quản lý để lấy đất trồng trọt với tổng diện tích 4.944m^2 , 258 cây gỗ thông thường (gỗ tạp). Khu rừng trên đã được UBND tỉnh Sơn La giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng – phòng hộ T quản lý.

[3] Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 05/5/2023 và biên bản xác minh trữ lượng gỗ bị thiệt hại nơi chặt phá rừng phòng hộ làm nương của bị cáo Lò Văn T thuộc bản K, xã P, huyện Q, tỉnh Sơn La. Địa điểm bị cáo Lò Văn T chặt phá thuộc lô 3, khoảnh 11, tiểu khu 23 theo quyết định giao đất lâm nghiệp năm 2022. Phía Bắc tiếp giáp Lô 2, khoảnh 11, tiểu khu 23; Phía Nam tiếp giáp khu vực phát phá rừng của Quàng Văn D; Phía Đông giáp Lô 5, khoảnh 11, tiểu khu 23 rừng phòng hộ; Phía Tây giáp địa giới hành chính xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Dùng máy GPS GRAMIN để đo diện tích rừng bị chặt phá xác định thiệt hại là 4.944m^2, số cây bị chặt phá là 258 cây.

[4] Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 25/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản Quỳnh Nhai đã tiến hành định giá tài sản và kết luận: 258 cây gỗ thông thường (gỗ thuộc nhóm VIII) có tổng khối lượng 14.339m^3 có giá trị là 14.339.000đ.

[5] Xét hành vi phạm tội của bị cáo T là thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi chặt phá 4.944m^2 diện tích đất rừng phòng hộ chặt hạ 258 cây gỗ thông thường (gỗ thuộc nhóm VIII) = 14.339m^3 đất đã được giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng – phòng hộ T quản lý là xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường và bảo vệ rừng, gây thiệt hại về môi trường sinh thái ở rừng phòng hộ là vi phạm pháp luật. Hành vi hủy hoại rừng của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất ổn định, làm ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái và sự phát triển rừng của địa phương. Nên hành vi nêu trên của bị cáo T đã phạm tội huỷ hoại rừng theo quy định tại khoản 1 điều 243 của Bộ luật hình sự. *" Người nào hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì có thể bị phạt tiền từ 50.000.000đ đến 500.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*". Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo, giáo dục để bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và yêu cầu phòng ngừa tội phạm này nói chung.

[6] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo xin tự nguyện khác phục hậu quả bằng hình trồng lại diện tích rừng bị chặt phá nên cây cối đã mọc xanh phủ trở lại, bị cáo là dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa (thuộc vùng 3) vùng đặc biệt khó khăn, không có trình độ học vấn chỉ học hết lớp 01/12, nên sự hiểu biết pháp luật quá hạn chế, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, cận nghèo của xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình, gia đình bị cáo có đơn xin hưởng án treo (*Được chính quyền địa phương xác nhận*). Đại diện Ban quản lý rừng đặc dụng – phòng hộ T không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về lâm sản và đề nghị xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, là tình tiết giảm trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thuộc dân tộc thiểu số. Bị cáo có nơi cư trú, thường trú rõ rằng, theo Luật cư trú; Quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành tốt hương ước, quy ước, nghĩa vụ của công dân nơi cư trú: Do vậy; xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần tuyên một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo,

giao bị cáo cho UBND xã nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ răn đe và cải tạo bị cáo.

[8] Hội đồng xét xử thấy bị cáo Lò Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 BLHS - Do vậy, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội không gây ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm và phòng ngừa tội phạm này nói chung. Bị cáo Lò Văn T có đủ điều kiện để áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự, không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[9] Về trách nhiệm bồi thường cho Nhà nước: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của bộ luật hình sự và các Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lò Văn T phải bồi thường cho Nhà nước giá trị lâm sản bị thiệt hại là 14.339.000 đồng.

[10] Về hình phạt bổ sung: Là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 điều 243 Bộ luật hình sự, qua xác minh tài sản đối với bị cáo Lò Văn T không có tài sản gì có giá trị. Do vậy không phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Đối với Cà Thị K có hành vi chặt phá 4.944m^2 rừng phòng hộ cùng Lò Văn T tại lô 3, khoảnh 11, tiểu khu 23 thuộc bản K, xã P, huyện Q, tỉnh Sơn La, hành vi của Cà Thị K có dấu hiệu của Tội Hủy hoại rừng theo quy định tại Điều 243 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, xác định Cà Thị K không biết khu vực rừng chặt phá là rừng phòng hộ, Cà Thị Kẹo chỉ nghe và thực hiện theo chỉ đạo của Lò Văn T (chồng K). Mặt khác Cà Thị K cũng chưa được tham gia vào các cuộc tuyên truyền học tập công tác quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ do Hạt kiểm lâm huyện T, tỉnh Điện Biên tổ chức hàng năm (Người tham gia chủ yếu là Lò Văn T), khi tham gia tiếp thu, nghe tuyên truyền về Lò Văn T không truyền đạt lại cho Cà Thị K biết, dẫn đến Cà Thị K không nhận thức được khu vực nào là rừng phòng hộ, rừng cấm chặt phá. Do vậy Cơ quan điều tra Công an huyện Q, tỉnh Sơ La không đặt vấn đề xử lý đối với Cà Thị K là có căn cứ.

[12] Đối với Lò Văn Đ, Lò Văn X; Do mối quan hệ quen biết với bị cáo Lò Văn T khi được T nhờ nhận giúp một phần diện tích rừng đã chặt phá trước đó để tránh xử lý hình sự, nên Đ và X đã nhận thay cho T. Tuy nhiên trong quá trình điều, xác minh thì Lò Văn Đ và Lò Văn X không thực hiện hành vi chặt phá rừng phòng hộ tại lô 3, khoảnh 11, tiểu khu 23 thuộc khu vực bản K, xã P, huyện Q, tỉnh Sơn La. Lò Văn Đ và Lò Văn X đã thành khẩn khai báo và có trách nhiệm phối hợp, giúp đỡ lực lượng Công an nhanh chóng điều tra, xác minh làm rõ nội dung vụ án và khẳng định không được thực hiện hành vi chặt phá 4.944m^2 diện tích rừng phòng hộ tại lô 3, khoảnh 11, tiểu khu 23 thuộc bản K, xã P, huyện Q, tỉnh Sơn La. Do vậy không có căn cứ để xử lý Lò Văn Đ và Lò Văn X về hành vi hủy hoại rừng theo quy định tại Điều 243 của Bộ luật hình sự.

[13] Vật chứng vụ án: - 01 con dao quắm, gồm lưỡi dao và cán dao có tổng chiều dài 86,8cm phần lưỡi dao bằng kim loại dài 32,3cm, bản rộng nhất 04cm phần cán daolàm bằng gỗ hình trụ tròn dài 54,5cm, đường kính 06cm, dao đã qua sử dụng.

- 01 con dao quắm, gồm lưỡi dao và cán dao có tổng chiều dài 85,3cm phần lưỡi dao bằng kim loại dài 35,7cm, bản rộng nhất 5,2cm phần cán dao làm bằng gỗ hình trụ tròn dài 49,6cm, đường kính 3,2cm, dao đã qua sử dụng. Cả 02 con dao trên là công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu tiêu huỷ, theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Lò Văn T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. (*Vì gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, cận nghèo có Giấy xác nhận của UBND xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên*).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243, điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội: Huỷ hoại rừng.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 21/9/2023.

Giao bị cáo Lò Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 92; Điều 94 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không bổ sung - phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm bồi thường cho Nhà nước: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của bộ luật hình sự và các Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lò Văn T phải bồi thường cho Nhà nước giá trị lâm sản bị thiệt hại là 14.339.000 đồng.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tiêu hủy: - 01 con dao quắm, gồm lưỡi dao và cán dao có tổng chiều dài 86,8cm phần lưỡi dao bằng kim loại dài 32,3cm, bản rộng nhất 04cm, phần cán dao làm bằng gỗ hình trụ tròn dài 54,5cm, đường kính 06cm, dao đã qua sử dụng.

- 01 con dao quắm, gồm lưỡi dao và cán dao có tổng chiều dài 85,3cm phần lưỡi dao bằng kim loại dài 35,7cm, bản rộng nhất 5,2cm phần cán dao làm bằng gỗ hình trụ tròn dài 49,6cm, đường kính 3,2cm, dao đã qua sử dụng. *(Theo biên bản bàn giao vật chứng số 45/2023 ngày 05/9/2023 giữa Công an huyện Q, tỉnh Sơn La và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Sơn La).*

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án - Bị cáo Lò Văn T được miễn 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo Lò Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TA ND Tỉnh,
- VKSND,
- Công an (CQĐT),
- Sở Tư pháp,
- THA hình sự,
- THA dân sự,
- UBND xã T,
- Bị cáo,
- Nguyên đơn dân sự,
- L- u án văn,
- L- u hồ sơ,

T/M.H□I □□NG X□T X□ S□ THỘM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Hoàng